

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2022/LĐ-ST**
Ngày: 12/5/2022
V/v: Tranh chấp đòi tiền lương

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Hải**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hoàng Thanh Tâm** - Cán bộ hưu trí

2. Bà **Trần Thị Tố Loan** - Phó giám đốc BHXH thành phố Long Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thành** – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh tỉnh Đồng Nai
tham gia phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Như Thủy** – Kiểm sát viên

Vào ngày 12/5/2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 08/2020/TLST-LĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp đòi tiền lương*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐST-LĐ ngày 14/3/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-LĐ ngày 12/4/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Cao Văn S**, sinh năm: 1966

HKTT: 6/1/23, khu phố 3, phường T, tp.B, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: Số 86, T, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ M

Địa chỉ trụ sở: 807/55/7B, khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ văn phòng đại diện: Số 08, L, khu phố S, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Văn L** – Chủ tịch kiêm giám đốc.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Cao Văn S trình bày:

Ông làm việc cho công ty M từ tháng 02/2019 đến tháng 7/2020, công việc là nhân viên bảo vệ. Khi vào làm việc chỉ nói miệng, không ký hợp đồng lao động, không có thỏa thuận về thời hạn hợp đồng.

Thời gian làm việc cho công ty, ông được phân công bảo vệ mục tiêu là công viên nghĩa trang H. Ông Trần Văn M là tổ trưởng tổ bảo vệ. Ông M là người chấm công cho cả tổ, hàng tháng gửi bảng chấm công về cho văn phòng để tính tiền lương cho tổ bảo vệ.

Theo thỏa thuận thì ông được hưởng lương và các khoản phụ cấp như sau: Lương trả theo tháng, mỗi tháng nếu không nghỉ ngày nào thì được nhận lương là 4.700.000đ (Nếu nghỉ ngày nào thì trừ tiền ngày đó và trừ 300.000đ tiền chuyên cần). Theo thỏa thuận, mỗi ngày phải đảm bảo làm đủ 12 tiếng, nếu có ngày làm 24 tiếng thì được nghỉ bù. Mức lương thỏa thuận chỉ nói miệng, không có văn bản thể hiện mức lương do 02 bên thỏa thuận.

Từ tháng 02/2019 đến 10/2019, Công ty trả lương đều đặn. Từ tháng 11/2019 trả chậm dần cho đến tháng 5,6,7/2020 thì không được trả lương nữa. Đến tháng 7/2020, Công ty không được tái ký hợp đồng với đối tác là Công ty công viên nghĩa trang H nên ông S cùng 4 người cùng tổ tạm nghỉ chờ chuyển mục tiêu khác làm việc cho đến nay.

Hiện ông yêu cầu Công ty TNHH MTV M thanh toán tiền lương tháng 5,6,7 năm 2020, tổng cộng là 14.100.000đ. Cụ thể:

- Tháng 5 gồm các khoản: lương 4.400.000 đồng + chuyên cần 300.000 đồng = 4.700.000 đồng.

- Tháng 6 gồm các khoản: lương 4.400.000 đồng + chuyên cần 300.000 đồng = 4.700.000 đồng.

- Tháng 7 gồm các khoản: lương 4.400.000 đồng + chuyên cần 300.000 đồng = 4.700.000 đồng.

Chứng cứ: Đơn đề nghị hòa giải lao động và biên bản hòa giải tranh chấp lao động lần 1 ngày 23/10/2020; lần 2 ngày 06/11/2020; Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí; Bản chấm công tháng 5, 6, 7 năm 2020; Bảng kê nội dung tin nhắn giữa ông Trần Văn M và số điện thoại 0919 289 373; Bản tự khai; Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

- Bị đơn Công ty TNHH một thành viên dịch vụ bảo vệ M vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Chứng cứ: không có.

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai ông Trần Văn S ngày 25/02/2021; Văn bản số 82/ĐKKD ngày 29/3/2021 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai; Văn bản số 03/2021/CV ngày 21/5/2021 của công ty cổ phần đầu tư phát triển B; Hợp đồng dịch vụ bảo vệ ký ngày 29/7/2019 giữa Công ty TNHH MTV M và công ty cổ phần đầu tư phát triển B; Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 01/8/2020 giữa công ty cổ phần đầu tư phát triển B và Công ty TNHH MTV M; Văn bản số 341/LĐTBOXH về việc cung cấp thang lương, bảng lương công ty TNHH MTV DV-BV M; Bản tự khai của ông Trần Văn M ngày 28/12/2020; Biên bản lấy lời khai ông Trần Văn M ngày 27/4/2021; Biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị H ngày 26/10/2021.

- Ý kiến của kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và đương sự trong việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không hợp tác, không cung cấp lời khai về việc bị nguyên đơn yêu cầu trả tiền công lao động.

+ Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc công ty TNHH MTV DV-BV M phải trả cho ông Cao Văn S 03 tháng lương (tháng 5,6,7 năm 2020). Về số tiền công cụ thể ông S yêu cầu là 14.100.000đ là số tiền dựa trên số tiền thực tế mà ông S đã được lãnh các tháng trước đó từ tháng 02/2019 đến tháng 04/2020 là 4.700.000đ/ tháng nên có cơ sở chấp nhận đề nghị của ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật: Ông Cao Văn S khởi kiện công ty TNHH MTV DV-BV M về việc đòi tiền lương. Ông S có đơn lựa chọn Tòa án nơi ông cư trú, làm việc có thẩm quyền giải quyết; Vụ việc đã được hòa giải viên lao động hòa giải không thành nên căn cứ Điều 32, Điều 35 và điểm đ khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án lao động “Tranh chấp đòi tiền lương” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Long Khánh.

[2] Tư cách tham gia tố tụng: Ông S là nguyên đơn, công ty TNHH MTV DV-BV M là bị đơn. Văn bản số 82/ĐKKD ngày 29/3/2021 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai xác định công ty TNHH MTV DV-BV M được phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 21/5/2015, địa chỉ trụ sở chính tại số 807/55/7B, khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Văn L, hiện công ty ở trạng thái đang hoạt động.

[3] Thủ tục tố tụng: Công ty TNHH MTV DV-BV M đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa ngày 12/4/2022 nhưng vắng mặt, Tòa án thành phố Long Khánh đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lại và đã tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa ngày 12/5/2022, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo nguyên đơn trình bày thì giữa ông S và bị đơn không ký hợp đồng lao động nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ gồm văn bản số 01/2021/CV ngày 22/4/2021 của công ty cổ phần đầu tư phát triển B; Hợp đồng dịch vụ bảo vệ ký ngày 29/7/2019 giữa Công ty TNHH MTV M và công ty cổ phần đầu tư phát triển B; Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 01/8/2020 giữa công ty cổ phần đầu tư phát triển B và Công ty TNHH MTV M thì thấy đã đủ cơ sở xác định giữa ông S và

Công ty TNHH MTV M có thỏa thuận miệng xác lập hợp đồng lao động, công việc của ông S là nhân viên bảo vệ, được bị đơn phân công làm bảo vệ tại nghĩa trang H, ông S nhận tiền lương từ công ty M, thời gian chấm dứt công việc là cuối tháng 7 năm 2020.

Ngày 01/8/2020, công ty M và công ty B Việt thanh lý hợp đồng dịch vụ bảo vệ, thời điểm này trùng với thời gian ông S khai được bị đơn cho ngừng việc để chờ nhiệm vụ mới. Theo ông S trình bày thì bị đơn còn thiếu ông 03 tháng lương chưa thanh toán, ông có tìm đến văn phòng đại diện thì thấy đóng cửa, liên lạc với ông P, bà H, ông T (là nhân viên công ty) thì không được giải quyết và sau đó số điện thoại không liên lạc được. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả tiền lương còn thiếu cho ông.

Ông S khai hàng tháng chỉ được nhận một tờ giấy tay có ghi lương, các khoản phụ cấp và ký nhận vào bảng lương của công ty, ông không giữ loại giấy tờ này nên không cung cấp được cho Tòa án. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì trường hợp này bị đơn là người đang lưu giữ các tài liệu, chứng cứ về việc chi trả lương phải có trách nhiệm cung cấp cho Tòa án, để chứng minh cho việc bị đơn đã chi trả cho ông S các tháng lương 5, 6 và 7 hay chưa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án Long Khánh đã tổng đạt cho bị đơn theo địa chỉ trụ sở chính và địa chỉ văn phòng giao dịch các tài liệu gồm: thông báo thụ lý vụ án, bản sao tài liệu chứng cứ của nguyên đơn giao nộp, thông báo yêu cầu bị đơn giao nộp tài liệu chứng cứ nhưng bị đơn không phản hồi, không đến Tòa án làm việc nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S về việc đòi bị đơn thanh toán 03 tháng tiền lương còn thiếu.

Tuy nhiên xem xét về mức lương ông S yêu cầu thì thấy do ông S và bị đơn không ký kết hợp đồng lao động, không có giấy nhận lương hoặc bảng lương có mộc dấu của công ty M nên hiện không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh mức lương ông S được nhận, văn bản số 341/LĐTBXH ngày 02/6/2021 của Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Biên Hòa xác nhận năm 2020 bị đơn không gửi thang lương, bảng lương và định mức lao động. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ nghị định 90/2019 quy định về lương tối thiểu vùng để giải quyết, cụ thể thành phố Long Khánh thuộc vùng 1, lương tối thiểu là 4.420.000 đồng/tháng nên chấp nhận cho ông M 4.420.000 đồng x 3 tháng = 13.260.000 đồng.

Đối với tiền chuyên cần, do không có thỏa ước, văn bản thỏa thuận về phụ cấp nên không chấp nhận.

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 397.800 đồng. Nguyên đơn được miễn án phí theo quy định pháp luật đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát thành phố Long Khánh phù hợp phần nhiều với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 32, Điều 35, điểm đ khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 6, 15, 90, 96 Bộ luật lao động năm 2012; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Văn S.

Buộc bị đơn công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ bảo vệ M trả cho ông Cao Văn S số tiền 13.260.000 (Mười ba triệu hai trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Sau khi án có hiệu lực pháp luật), hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

* Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ bảo vệ M phải chịu 397.800 (Ba trăm chín mươi bảy ngàn tám trăm) đồng án phí lao động sơ thẩm.

Ông Cao Văn S được miễn án phí theo quy định pháp luật đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Long Khánh;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Hải